

PHỤ LỤC SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ XÃ MƯỜNG LA

(Kèm theo Tờ trình số: 428 /TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
I	Đường đô thị							11,3	-	10,90	0,40	-	-	
1	Phố Lê Trọng Tấn	Hiệu sách	Ban QLDA ĐTXD	2013	V	7	5	0,6		0,6				
2	Phố Lò Văn Giá	279D	UBND huyện	2013	V	7	5	0,2		0,2				
3	Sân vận động 19-5	279D	Trung tâm chính trị	2013	V	7	5	0,3		0,3				
4	Đường Lê Thanh Nghị	Bệnh viện	Công thủy điện	2013	IV	21	15	2,5		2,5				
5	Đường Nà Kè	Ngã ba Nà Kè	bệnh viện	2013	IV	21	15	1,2		1,2				
6	Đường Quảng trường	Sân vận động 19-5	Nhà Văn hóa TK3	2013	IV	21	15	0,2		0,2				
7	Đường đi vào nhà máy thủy điện Sơn La	279D	Thủy điện	2013	V	7	5	2		2				
8	Đường Phiêng Tin	279D	bản Phiêng Tin	2013	V	7	5	2,4		2,4				
9	Đường Ít Ong	279D	Ban Hua Ít	2013	V	7	5	0,5		0,5				
10	Đường lên Sân bay	Trung tâm chính trị	Sân bay	2013	V	7	5	0,4		0,4				
11	Đường đi Sam Síp	279D	Quán Karaoke Minh Châu	2013	V	5	5	0,2			0,2			
12	Đường đi bãi bắn TK5	279D	cuối tuyến	2013	V	5	5	0,2			0,2			
13	Đường đi trường THPT	279D	Trường THPT Mường LA	2013	V	7	5	0,2		0,2				
14	Đầu cầu tràn ngầm	279D	Cầu tràn cũ	2013	V	7	5	0,2		0,2				
15	Đường xóm tiểu khu 1	279D	HTX Hoàng Hiệp	2013	V	7	5	0,2		0,2				
II	Đường xã							165,3	-	58,0	55,7	1,5	50,1	
1	Nà Lo - Pá Hát	Nà Lo (Thị trấn)	Pá Hát (Pi Toong)	2013	A	5	3,5	15		15				Đường liên xã
2	Huổi Muôn - Huổi Ban	Huổi Muôn	Huổi Ban	2013	A	5	3,5	10		10				Đường liên xã
3	Pi Toong - Mường Trai	Ngã ba Pi Toong	Bản Cang Bó Ban	2013	A	5	3,5	9		9				Đường liên xã
4	Chiềng San - Chiềng Muôn	Bản Chiến (ĐT.111)	Trung tâm xã Chiềng Muôn (cũ)	2013	A	5	3,5	11		3	8			Đường liên xã
5	Đường Trạm y tế - Nà Tông	Trạm y tế	Nà Tông	2013	B	5	3,5	2			2			
6	Đường Hua Ít- Nà Nong	Hua Ít	Nà Nong	2014	B	5	3,5	1			1			
7	Đường Bản Tin - Bản Lâm	Bản Tin (Cao su)	ĐT.111	2013	B	5	3,5	3,1			1,6		1,5	
8	QL279D - Nà Lốc	279D	Nà Lốc	2013	B	5	3,5	1			1			
9	Nà Nong - Ít Bon - Co Bay	Nà Nong	Co bay	2013	B	5	3,5	1,7			1,7			

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
10	Đường bản Nà Nong - bản Mé - bản Nà Lo	Nà Nong	Nà No	2013	B	5	3,5	2,5			2,5			
11	Đường trục Chính - Hua Nà	279D	Đường Ít Ong	2013	B	5	3,5	1,5		1,5				
12	Đường đi đôi Cao Su	279D	Đường NMTĐ	2013	B	5	3,5	3					3	
13	Đường đi Phiêng Hua Nà	Bản Cang Bó Ban	Phiêng Hua Nà	2013	A	5	3,5	1,5		1,5				
14	Đường đi bản Lả Búng	Bản Cang Bó Ban	bản Lả Búng	2013	A	5	3,5	7		7				
15	Đường vành đai - Huổi Ban	Đường vành đai	Huổi Ban	2013	B	5	3,5	2		1	1			
16	Đường bản Lửa- Bản Nà Trà	Đường bản Lửa	Bản Nà Trà	2013	B	5	3,5	6,7			6,7			
17	Đường bản Lửa - bản Tong - Bản Nà Trồ	Đường bản Lửa	bản Tong - Bản Nà Trồ	2013	B	5	3,5	3			3			
18	Đường bản Ten - Bản Chộc	Đường bản Ten	Bản Chộc	2013	B	5	3,5	1			1			
19	Đường Bản Cang - Bản Bướm - Bản Pi	Đường Bản Cang	Bản Bướm - Bản Pi	2013	B	5	3,5	3			3			
20	TT xã - Bản Pi - Bản Tạy	TT xã Pi Tong (cũ)	Bản Tạy	2013	B	5	3,5	2,3			2,3			
21	QL279D - Bản Tạy	QL279D	Bản Tạy	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
22	TL 109 - Bản Piêng - Hua Piêng	TL 109	Hua Piêng	2013	B	5	3,5	6					6	
23	TL109 - Bản Huổi Hóc	TL 109	Huổi Hóc	2013	B	5	3,5	3			3			
24	TL 109 - Bản Nong Bẩu - Bản Huổi Có	TL 109	Huổi Có	2013	B	5	3,5	7,2					7,2	
25	TT xã - Huổi Luông - Huổi Co Có	TT xã Nặm Păm cũ	Huổi Luông - Huổi Co Có	2013	B	5	3,5	10		10				
26	Đường bản Huổi Liếng	TL 109	Bản Huổi Liếng	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
27	Bản Nong - Nong Quài	Bản Nong Luồng	Bản Nong Quài	2013	B	5	3,5	5,6					5,6	
28	Đường đi Bản Pết (Tạ Bú)	Bản Pá Chiến	Bản Pết (Tạ Bú)	2013	B	5	3,5	4					4	
29	Đường bản Pá Chiến	ĐT.111	Bản Pá Chiến	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
30	Đường bản Lâm- Bản Chiến	Bản Lâm	Bản Chiến	2013	B	5	3,5	2,5			2,5			
31	Đường đi trại Lợn CMC	ĐT.111	Trại Lợn	2023	B	5	3,5	1					1	
32	Đường Bản Nong - Bản Pú Pầu	Bản Nong Luồng	Bản Pú Pầu	2013	B	5	3,5	2,5			1,9		0,6	
33	Đường bản Tìn - Bản Púng Quài	Bản Phiêng Tìn	Bản Púng Quài	2013	B	5	3,5	5			2,8		2,2	
34	Đường bản Hua Chiến - Bản Cát Linh	Bản Hua Chiến	Bản Cát Linh	2013	B	5	3,5	5,4			3		2,4	
35	Nong Quài- Pá Kim	Bản Nong Quài	Đường Chiềng San - Chiềng Muôn	2013	B	5	3,5	3,2			3,2			
36	Đi Hua Đán	Bản Hua Chiến	Bản Hua Đán	2013	B	5	3,5	8,6					8,6	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
37	Hua Chiến - Hua Kim	Bản Hua Chiến	Hua Kim	2013	B	5	3,5	5					5	
38	TT xã cũ - Hua Chiến	TT xã (cũ)	Bản Hua Chiến	2013	B	5	3,5	1,5				1,5		
39	Hia Kim - Chiềng Ân (cũ)	Hua Kim	Giáp ranh xã Chiềng Hoa	2024	B	5	3,5	3					3	
III	Đường thôn bản							3,70	-	-	3,70	-	-	
1	Đường xóm tiểu khu 3	Lê Trọng Tấn	Hướng lên Sân bay	2013	B	5	3,5	0,3			0,3			
2	Đường Ít Bon - TTGD Lao động (cũ)	Ít Bon	TTGD Lao động (cũ)	2013	B	5	3,5	0,7			0,7			
3	Đường bản Tìn - bản Nà Trang	bản Tìn	bản Nà Trang	2013	B	5	3,5	0,7			0,7			
4	Đường Chiềng Tè	279D	Cuối bản Chiềng tè	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			
5	Đường bản Ten (thị trấn)	279D	Cuối bản Ten	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			
6	Đường Song Ho	279D	Cuối bản Song Ho	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			
7	TL 109 - Bản Bâu	TL 109	Bản Pâu	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			

PHỤ LỤC SỐ 02: ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ XÃ CHIỀNG LAO

(Kèm theo Tờ trình số: 428 /TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
I	Đường xã							167,4	0	69,5	20	0	77,9	
1	Chiềng Lao - Mường Trai - Nậm Giôn	Bản Nà Cường	Bản Huổi Chèo	2013	A	5	3,5	63,5		63,5				Đường liên xã
2	Trục Chính (Chiềng Lao - Nậm Giôn) - Huổi Lụ (Pá Pù)	Trục Chính (Chiềng Lao - Nậm Giôn)	Huổi Lụ (Pá Pù)	2013	B	5	3,5	2		2				
3	Trục Chính (Mường Giôn - Nậm Giôn)- Nậm Cùm	Trục Chính (Mường giôn - Nậm Giôn)	Nậm Cùm	2013	B	5	3,5	5					5	
4	Đường vào Huổi Pươi	Đường vào Huổi Pươi	Huổi Pươi	2013	B	5	3,5	5					5	
5	Đường bản Huổi Chà - Bản Đen Đin	Đường bản Huổi Chà	Bản Đen Đin	2013	B	5	3,5	8					8	
6	Đường vành đai đi Huổi Săn - Huổi Săn	Vành đai Huổi Săn	Huổi Săn	2013	B	5	3,5	6					6	
7	QL279D - Điểm TĐC Huổi Păng	QL 279D	Huổi Păng	2013	B	5	3,5	1,8			1,8			
8	QL279D - Điểm TĐC Nà Cà	QL 279D	Nà Cà	2013	B	5	3,5	1			1			
9	Xu Xăm - Pá Sóng	Đường vành đai	Pá Sóng	2013	B	5	3,5	7					7	
10	Đường bản Phiêng Phả - bản Đán Ến	Bản Phiêng Phả	Bản Đán Ến	2013	B	5	3,5	8					8	
11	Đường vành Đai - Bản Pậu	Đường vành đai	Bản Pậu	2013	B	5	3,5	5					5	
12	Từ Xu Xăm đến H Hậu	Bản Xu Xăm	Huổi Hậu	2013	B	5	3,5	5			3		2	
13	QL279D - Léch 1 -Léch 2 - Léch 3	QL 279D	Bản Léch 3	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
14	QL279D - Phiêng Hoi	QL279D	Phiêng Hoi	2013	B	5	3,5	1,7			1,7			
15	QL279D - Bản Po - Nà Tòng - Nà Săn	QL279D	Nà Săn	2013	B	5	3,5	4		4				
16	TĐC Nà Liềng - Pá Han - bản Pá Múa	TĐC Nà Liềng	bản Pá Múa	2013	B	5	3,5	6			6			
17	QL 279D - Bản Thăm Cọng	QL 279D	Bản Thăm Cọng	2013	B	5	3,5	5,4					5,4	
18	Phiêng Hoi - Huổi Nạ - Bản Lọng Bong	Phiêng Hoi	Bản Lọng Bong	2013	B	5	3,5	6,5					6,5	
19	Đường bản Lè - Bản Đông Khít	Đường bản Lè	Bản Đông Khít	2013	B	5	3,5	3			1		2	
20	Đường bản Nà Lòi - bản Huổi Cườm	Đường bản Nà Lòi	bản Huổi Cườm	2013	B	5	3,5	2			2			
21	Lọng Bong - Pá Han	Lọng Bong	Pá Han	2013	B	5	3,5	10			2		8	
22	Pá Han - Pá Piêng	Pá Han	Pá Piêng	2013	B	5	3,5	10					10	
II	Đường thôn							63,36	0	0,05	34,046	0	29,26	
1	Đường trục chính - Bản Léch	QL 279D	Bản Léch	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			
2	Đường trục chính - Huổi La	QL 279D	Huổi La	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
3	Đường trục chính - Nà Ngòi	QL 279D	Nà Ngòi	2013	B	5	3,5	0,6			0,6			
4	Phiêng Hoi - Bản Lè	Phiêng Hoi	Bản Lè	2013	B	5	3,5	0,5			0,5			
5	Tuyến đường nội bản Tà Sài 01	279D	Nhà ông Liêu	2013	B	3	2,5	0,5			0,50		-	
6	Tuyến đường nội bản Tà Sài 02	Nhà ông Siêng	Nhà ông Hạc	2013	B	3	2,5	0,2			0,20		-	
7	Tuyến đường nội bản Tà Sài 03	Nhà lớp học	Ông Minh	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
8	Tuyến đường nội bản Tà Sài 04	Từ nhà ông Dương	Đến nhà VH bản	2013	B	3	2,5	0,085			0,09		-	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
9	Tuyến đường nội bản Tà Sài 05	Từ nhà ông Tân	Đến nhà Chủ	2013	B	3	2,5	0,12			0,12		-	
10	Tuyến đường nội bản Tà Sài 06	Từ đường quốc lộ 279D	Đến nhà Toan	2013	B	3	2,5	0,213			0,21		-	
11	Tuyến đường nội bản Nà Nong 01	Từ nhà ông Doan	Đến nhà ông Đoàn	2013	B	3	2,5	0,245			0,25		-	
12	Tuyến đường nội bản Nà Nong 02	Từ nhà ông Trinh	Đến nhà Bà Nở	2013	B	3	2,5	0,205			0,21		-	
13	Tuyến đường nội bản Nà Nong 03	Từ nhà ông Trường	Đến nhà ông Minh	2013	B	3	2,5	0,255			0,26		-	
14	Tuyến đường nội bản Nà Nong 04	Từ nhà ông Xuân	Đến nhà Ông Soan	2013	B	3	2,5	0,166			0,17		-	
15	Tuyến đường nội bản Nà Nong 05	Từ nhà ông Đăng Toàn	Đến nhà Ông Sơn La	2013	B	3	2,5	0,131					0,13	
16	Tuyến đường nội bản Nà Nong 06	Từ nhà ông Hải	Đến nhà Ông Hợp	2013	B	3	2,5	0,13					0,13	
17	Tuyến đường nội bản Nà Nong 07	Từ nhà ông Nghiệp	Đến nhà Bà Hoan	2013	B	3	2,5	0,18					0,18	
18	Tuyến đường nội bản Nà Nong 08	Từ nhà ông Sơn	Đến nhà Bà Po	2013	B	3	2,5	0,106					0,11	
19	Tuyến đường nội bản Nà Nong 09	Từ nhà ông Bà Hiêm	Đến nhà Ông Đắc	2013	B	3	2,5	0,11					0,11	
20	Tuyến đường nội bản Nà Nong 10	Từ nhà ông Ủi	Đến nhà Ông Hào	2013	B	3	2,5	0,084					0,08	
21	Tuyến đường nội bản Nà Nong 11	Từ nhà ông Kim	Đến nhà Ông Toan (bến đò)	2013	B	3	2,5	0,085					0,09	
22	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 01	Từ cạp bản	Đến Nong Khiết	2013	B	3	2,5	0,53			0,53		-	
23	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 02	Từ nhà ông Kim	Đến nhà ông Quý	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
24	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 03	Từ nhà Quỳnh	Đến nhà ông Khôn	2013	B	3	2,5	0,05			0,05		-	
25	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 04	Từ nhà Học	Đến nhà ông Quanh	2013	B	3	2,5	0,061			0,06		-	
26	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 05	Từ nhà Khu	Đến nhà bà Duyên	2013	B	3	2,5	0,044			0,04		-	
27	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 06	Từ nhà Yên	Đến nhà ông Chính	2013	B	3	2,5	0,059			0,06		-	
28	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 07	Từ nhà Anh	Đến nhà ông Duân	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
29	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 08	Từ nhà Chương	Đến nhà bà Yên	2013	B	3	2,5	0,059			0,06		-	
30	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 09	Từ nhà Phương	Đến nhà ông Lá	2013	B	3	2,5	0,067			0,07		-	
31	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 10	Từ đầu cầu	Đến nhà muôn	2013	B	3	2,5	0,54					0,54	
32	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 11	Từ nhà Xuyên	Đến nhà Chiêm	2013	B	3	2,5	0,099					0,10	
33	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 12	Từ nhà Địa	Đến nhà tiếp	2013	B	3	2,5	0,089			0,09		-	
34	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 13	Từ đầu cầu	Đến nhà Vui	2013	B	3	2,5	0,56					0,56	
35	Tuyến đường nội bản Phiêng Cại 14	Từ nhà Dối	Xuống bến đò	2013	B	3	2,5	0,522					0,52	
36	Tuyến đường nội bản Cun 01	Từ ngã ba trong bản	Đến Nhà văn hóa bản	2013	B	3	2,5	0,38					0,38	
37	Tuyến đường nội bản Cun 02	Từ nhà văn hóa	Đến Trong bản	2013	B	3	2,5	0,19					0,19	
38	Tuyến đường nội bản Cun 03	Từ nhà ông Diên	Đến nhà ông Muôn	2013	B	3	2,5	0,134					0,13	
39	Tuyến đường nội bản Cun 04	Từ nhà Bà Xo	Đến nhà ông Linh	2013	B	3	2,5	0,13					0,13	
40	Tuyến đường nội bản Cun 05	Từ nhà ông Khoán	Đến nhà ông Hoa	2013	B	3	2,5	0,171					0,17	
41	Tuyến đường nội bản Cun 06	Từ nhà ông Hương	Đến nhà ông Bình	2013	B	3	2,5	0,189					0,19	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
42	Tuyến đường nội bản Cun 07	Từ nhà ông Hóa	Đến nhà ông Ngương	2013	B	3	2,5	0,21					0,21	
43	Tuyến đường nội bản Cun 08	Từ nhà ông Chung	Đến nhà ông Chung	2013	B	3	2,5	0,174					0,17	
44	Tuyến đường nội bản Cun 09	Từ nhà Bà Hoa	Đến nhà ông Dương B	2013	B	3	2,5	0,18					0,18	
45	Tuyến đường nội bản Cun 10	Từ nhà ông Ninh	Đến nhà ông Lê	2013	B	3	2,5	0,14					0,14	
46	Tuyến đường nội bản Cun 11	Từ nhà ông Sượng	Đến nhà ông Siêng	2013	B	3	2,5	0,115					0,12	
47	Tuyến đường nội bản Cun 12	Từ nhà ông Vinh	Đến nhà ông Xuân	2013	B	3	2,5	0,083					0,08	
48	Tuyến đường nội bản Cun 13	Từ nhà ông Tuấn	Đến nhà ông Điện	2013	B	3	2,5	0,092					0,09	
49	Tuyến đường nội bản Cun 14	Bản	Xuống bến đò	2013	B	3	2,5	0,15			1,15		- 1,00	
50	Tuyến đường nội bản Cun 15	Từ nhà ông Hao	Đến nhà ông Thọ	2013	B	3	2,5	0,105					0,11	
51	Tuyến đường nội bản Nhạp 01	Từ ông Hùng	Đến ông Vân	2013	B	3	2,5	0,35			0,35		-	
52	Tuyến đường nội bản Nhạp 02	Từ ông Trần	Đến ông Páng	2013	B	3	2,5	0,3			0,30		-	
53	Tuyến đường nội bản Nhạp 03	Từ ông Sươi	Đến ông Hùng	2013	B	3	2,5	0,25			0,25		-	
54	Tuyến đường nội bản Nhạp 04	Từ ông Soan	Đến ông Nhượng	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
55	Tuyến đường nội bản Léch 01	Từ ông Vang	Đến nhà ông Piến	2013	B	3	2,5	0,111					0,11	
56	Tuyến đường nội bản Léch 02	Từ ông Triều	Đến nhà ông Hải	2013	B	3	2,5	0,132					0,13	
57	Tuyến đường nội bản Léch 03	Từ ông Giúp	Đến nhà ông Hiêng	2013	B	3	2,5	0,133					0,13	
58	Tuyến đường nội bản Léch 04	Từ nội bản	Đến nhà ông VH	2013	B	3	2,5	0,13					0,13	
59	Tuyến đường nội bản Léch 05	Từ ông Tuất	Đến nhà ông Xuyên	2013	B	3	2,5	0,291					0,29	
60	Tuyến đường nội bản Léch 06	Từ ông Tương	Đến nhà ông sáng	2013	B	3	2,5	0,18					0,18	
61	Tuyến đường nội bản Léch 07	Từ ngã ba vào NVH	Đến nhà ông Dũng	2013	B	3	2,5	0,372			0,37		-	
62	Tuyến đường nội bản Léch 08	Từ bể nước	Đến nhà ông Chiêng	2013	B	3	2,5	0,13					0,13	
63	Tuyến đường nội bản Léch 09	Từ nhà ông Nôm	Đến nhà ông Lanh	2013	B	3	2,5	0,423					0,42	
64	Tuyến đường nội bản Léch 10	Từ nhà ông Hường	Đến nhà ông Piến	2013	B	3	2,5	0,12			0,12		-	
65	Tuyến đường nội bản Léch 11	Từ nhà ông Bình	Đến nhà ông Hòa	2013	B	3	2,5	0,126					0,13	
66	Tuyến đường nội bản Léch 12	Từ nhà ông Lanh	Đến nhà ông Lanh	2013	B	3	2,5	0,082					0,08	
67	Tuyến đường nội bản Léch 13	Từ nhà ông Núi	Đến nhà ông Hiệp	2013	B	3	2,5	0,084					0,08	
68	Tuyến đường nội bản Léch 14	Từ nhà ông Hường	Đến nhà ông Miên	2013	B	3	2,5	0,168					0,17	
69	Tuyến đường nội bản Nà Léch 01	Từ nhà ông Ngoan	Đến nhà ông Minh	2013	B	3	2,5	0,083			0,08		-	
70	Tuyến đường nội bản Nà Léch 02	Từ nhà ông Ngoan	Đến nhà ông Thương	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
71	Tuyến đường nội bản Nà Léch 03	Từ nhà bà Páng	Đến nhà ông San	2013	B	3	2,5	0,026			0,03		-	
72	Tuyến đường nội bản Nà Léch 04	Từ nhà bà Ninh	Đến nhà ông In	2013	B	3	2,5	0,024			0,02		-	
73	Tuyến đường nội bản Nà Léch 05	Từ nhà ông Ngoan	Đến nhà ông Hương	2013	B	3	2,5	0,024			0,02		-	
74	Tuyến đường nội bản Nà Léch 06	Từ nhà ông Hoàn	Đến nhà ông Nguyễn	2013	B	3	2,5	0,024			0,02		-	
75	Tuyến đường nội bản Nà Léch 07	Từ nhà ông Liên	Đến nhà ông Sương	2013	B	3	2,5	0,024			0,02		-	
76	Tuyến đường nội bản Nà Léch 08	Từ nhà ông Tiên	Đến nhà ông Pan	2013	B	3	2,5	0,041			0,04		-	
77	Tuyến đường nội bản Nà Léch 09	Từ nhà ông Giót	Đến nhà ông Liêm	2013	B	3	2,5	0,057			0,06		-	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
78	Tuyến đường nội bản Nà Léch 10	Từ Nhà Văn Hóa bản		2013	B	3	2,5	0,025			0,03		-	
79	Tuyến đường nội bản Nà Léch 11	Từ nhà ông Kem	Đến sân bóng	2013	B	3	2,5	0,098			0,10		-	
80	Tuyến đường nội bản Nà Léch 12	Từ Nhà trường bản		2013	B	3	2,5	0,048			0,05		-	
81	Tuyến đường nội bản Nà Léch 13	Từ nhà mẫu giáo		2013	B	3	2,5	0,18			0,18		-	
82	Tuyến đường nội bản Nà Léch 14	Từ nhà ông Ứt	Đến nhà ông Phiếu	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
83	Tuyến đường nội bản Nà Léch 15	Từ nhà bà Mai	Đến nhà ông Loa	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
84	Tuyến đường nội bản Nà Léch 16	Từ nhà ông Quyền	Đến nhà ông Ủi	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
85	Tuyến đường nội bản Nà Léch 17	Tùng Nhà ông Dừng	Đến nhà ông Vương	2013	B	3	2,5	0,09			0,09		-	
86	Tuyến đường nội bản Nà Léch 18	Từ Nhà Bà Toan	Đến nhà ông Phương	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
87	Tuyến đường nội bản Nà Léch 19	Từ nhà ông Tân	Đến nhà ông Hóa	2013	B	3	2,5	0,13			0,13		-	
88	Tuyến đường nội bản Nà Léch 20	Từ nhà ông Hoái	Đến nhà ông Hoai	2013	B	3	2,5	0,05			0,05		-	
89	Tuyến đường nội bản Nà Léch 21	Từ nhà ông Muôn	Đến nhà ông Phương	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
90	Tuyến đường nội bản Nà Léch 22	Từ nhà ông Nan	Đến nhà ông Tuyết	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
91	Tuyến đường nội bản Nà Léch 23	Từ nhà ông On	Đến nhà ông Diêu	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
92	Tuyến đường nội bản Nà Léch 24	Từ nhà ông Sương	Đến nhà ông Hoàn	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
93	Tuyến đường nội bản Nà Léch 25	Từ nhà ông Siên	Đến nhà ông Phái	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
94	Tuyến đường nội bản Nà Léch 26	Từ đường quốc lộ 279D	Đến nhà ông Kem	2013	B	3	2,5	0,75			0,75		-	
95	Tuyến đường nội bản Nà Léch 27	Từ tuyến đường A	Đến nhà ông Lăm	2013	B	3	2,5	0,22					0,22	
96	Tuyến đường nội bản Nà Léch 28	Từ tuyến đường A	Đến nhà ông Piêng	2013	B	3	2,5	0,165					0,17	
97	Tuyến đường nội bản Nà Léch 29	Từ nhà ông Hoạt	Đến nhà ông Sừa	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
98	Tuyến đường nội bản Nà Léch 30	Từ tuyến đường A	Đến nhà ông Thanh	2013	B	3	2,5	0,05			0,05		-	
99	Tuyến đường nội bản Nà Léch 31	Từ tuyến đường A	Đến nhà bà Cơi	2013	B	3	2,5	0,03			0,03		-	
100	Tuyến đường nội bản Nà Léch 32	Từ tuyến đường A	Đến Sân bóng	2013	B	3	2,5	0,35			0,35		-	
101	Tuyến đường Nội bản Huổi Quảng	Từ đầu cầu	Đến khu sx Lũng Lô	2013	B	3	2,5	1					1,00	
102	Tuyến đường nội bản Nà Cường 01	Từ nhà ông Toán	Đến nhà ông Oai	2013	B	3	2,5	0,098			0,10		-	
103	Tuyến đường nội bản Nà Cường 02	Từ nhà ông Oai	Đến nhà ông Sương	2013	B	3	2,5	0,671			0,67		-	
104	Tuyến đường nội bản Nà Cường 03	Từ nhà ông Khoe	Đến nhà ông Muông	2013	B	3	2,5	0,21			0,21		-	
105	Tuyến đường nội bản Nà Cường 04	Từ nhà ông Sườn	Đến nhà ông Sắc	2013	B	3	2,5	0,117			0,12		-	
106	Tuyến đường nội bản Nà Cường 05	Từ nhà ông Sắc	Đến nhà ông Tân	2013	B	3	2,5	0,267			0,27		-	
107	Tuyến đường nội bản Nà Cường 06	Từ nhà ông Nhân	Đến nhà ông Sắc	2013	B	3	2,5	0,09			0,09		-	
108	Tuyến đường nội bản Nà Cường 07	Từ nhà ông Ế	Đến nhà ông On	2013	B	3	2,5	0,125			0,13		-	
109	Tuyến đường nội bản Nà Cường 08	Từ nhà ông Phương	Đến nhà ông Cương	2013	B	3	2,5	0,076			0,08		-	
110	Tuyến đường nội bản Nà Cường 09	Từ nhà ông Hồng	Đến nhà ông Inh	2013	B	3	2,5	0,175			0,18		-	
111	Tuyến đường nội bản Mạ 01	Từ ông Mai	Đến nhà ông Toan	2013	B	3	2,5	0,11			0,11		-	
112	Tuyến đường nội bản Mạ 02	Từ ông Toàn	Đến bến đò	2013	B	3	2,5	0,18			0,18		-	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
113	Tuyến đường nội bản Mạ 03	Từ ông Diện	Đến nhà ông Nghiêm	2013	B	3	2,5	0,23			0,23		-	
114	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 01	Từ ông Đăm	Đến nhà ông Thanh	2013	B	3	2,5	0,5			0,50		-	
115	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 02	Từ ông Đăm	Đến nhà ông Ngăn	2013	B	3	2,5	0,2			0,20		-	
116	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 03	Từ ông Tường	Đến nhà ông Phiêng	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
117	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 04	Từ ông Phiêng	Đến nhà Bà Phiền	2013	B	3	2,5	0,15			0,15		-	
118	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 05	Từ ông Dọn	Đến nhà ông Bua	2013	B	3	2,5	0,05			0,05		-	
119	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 06	Từ ông Hặc	Đến nhà ông Nhọt	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
120	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 07	Từ ông San	Đến nhà ông Tiến	2013	B	3	2,5	0,05			0,05		-	
121	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 08	Từ ông Diên	Đến nhà ông Khan	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
122	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 09	Từ ông Phiêng	Đến nhà ông Lượng	2013	B	3	2,5	0,25			0,25		-	
123	Tuyến đường nội bản Huổi Tóng 10	Từ ông Tiệp	Đến nhà ông Ngọ	2013	B	3	2,5	0,4			0,40		-	
124	Tuyến đường nội bản Phiêng Phả 01	Từ nhà ông Lâu	Đến nhà ông Cha	2013	B	3	2,5	0,3					0,30	
125	Tuyến đường nội bản Phiêng Phả 02	Từ nhà ông Lý	Đến nhà ông Kỷ	2013	B	3	2,5	0,1					0,10	
126	Tuyến đường nội bản Phiêng Phả 03	Từ nhà bà Hạnh	Đến nhà ông Tro	2013	B	3	2,5	0,085					0,09	
127	Tuyến đường nội bản Phiêng Phả 04	Từ nhà ông So	Đến nhà ông Nénh	2013	B	3	2,5	0,06					0,06	
128	Tuyến đường nội bản Đán Ến 01	Từ nhà ông Chổng	Đến nhà ông Di	2013	B	3	2,5	0,3			0,30		-	
129	Tuyến đường nội bản Đán Ến 02	Từ nhà ông Chổng	Đến nhà văn hóa bản	2013	B	3	2,5	0,2					0,20	
130	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 01	Từ nhà Ông Pía	Đến nhà ông Toán	2013	B	3	2,5	1,04			1,04		-	
131	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 02	Từ Nhà ông Tiên	Đến nhà ông Ban	2013	B	3	2,5	1,1			1,10		-	
132	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 03	Từ ông Quyên	Đến nhà ông Giót	2013	B	3	2,5	1,45			1,45		-	
133	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 04	Từ ông Yêng	Đến nhà ông Tuộng	2013	B	3	2,5	0,84			0,84		-	
134	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 05	Từ đường bành đai	Đến nhà ông Liên	2013	B	3	2,5	2,5			2,50		-	
135	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 06	Từ nhà ông Chinh	Đến nhà ông Vui	2013	B	3	2,5	0,51			0,51		-	
136	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 07	Từ nhà ông Hoán	Đến nhà ông Biển	2013	B	3	2,5	0,8			0,80		-	
137	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 08	Từ nhà Ông Ớn	Đến Ông Liên	2013	B	3	2,5	0,47			0,47		-	
138	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 09	Từ nhà Ông Phó	Đến Ông Dũng	2013	B	3	2,5	0,44			0,44		-	
139	Tuyến đường nội bản Xu Xăm 10	Từ nhà văn hóa bản	Đến Ông Ươi	2013	B	3	2,5	0,49			0,49		-	
140	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 01	Từ nhà An Ngâu	Đến nhà ông Hiệp	2013	B	3	2,5	0,5			0,50		-	
141	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 02	Từ nhà Kiên	Đến nhà ông Lư	2013	B	3	2,5	0,1			0,10		-	
142	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 03	Từ nhà Kiên	Đến nhà ông Ninh	2013	B	3	2,5	0,14			0,14		-	
143	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 04	Từ nhà Doan	Đến nhà ông Tâm	2013	B	3	2,5	0,13			0,13		-	
144	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 05	Từ nhà mầm non	Đến nhà ông Lượng	2013	B	3	2,5	0,15			0,15		-	
145	Tuyến đường nội bản Huổi Choi 06	Từ nhà mầm non	Đến Nong Hóc	2013	B	3	2,5	0,4			0,40		-	
146	Tuyến đường nội bản Pậu 01	Từ cuối bản	Đến đầu bản	2013	B	3	2,5	0,6					0,60	
147	Tuyến đường nội bản Pậu 02	Từ suối Pậu	Đến đập tràn	2013	B	3	2,5	0,02					0,02	
148	Tuyến đường nội bản Pậu 03	Từ suối Pậu	Đến suối Huổi Hậ	2013	B	3	2,5	1,6					1,60	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
149	Tuyến đường nội bản Pậu 04	Từ suối Pậu	Đến TĐC	2013	B	3	2,5	0,3					0,30	
150	Tuyến đường nội bản Pậu 05	Từ nhà ông Loại	Đến nhà ông So	2013	B	3	2,5	0,2					0,20	
151	Tuyến đường nội bản Pậu 06	Từ nhà ông Hồng	Đến nhà ông Loan	2013	B	3	2,5	0,3					0,30	
152	Tuyến đường nội bản Pậu 07	Từ nhà ông Tía	Đến nhà ông Tom	2013	B	3	2,5	0,3					0,30	
153	Tuyến đường nội bản Pậu 08	Từ nhà ông Chơí	Đến nhà ông Muôn	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
154	Tuyến đường nội bản Pậu 09	Từ nhà ông Phong	Đến nhà ông Biên	2013	B	3	2,5	0,13					0,13	
155	Tuyến đường nội bản Huổi Hậu 01	Sân bóng	Nhà ông Thân	2013	B	3	2,5	0,4					0,40	
156	Tuyến đường nội bản Huổi Hậu 02	Sân bóng	Đầu nguồn nước SH bản	2013	B	3	2,5	0,5					0,50	
157	Tuyến đường nội bản Huổi Hậu 03	Nhà ông Tủa	Nhà ông Thanh	2013	B	3	2,5	0,35					0,35	
158	Tuyến đường nội bản Huổi Hậu 04	Từ nhà văn hóa bản	Đến cuối bản	2013	B	3	2,5	1,5					1,50	
159	Tuyến đường nội bản Pá Sóng	Từ nhà ông Di	Đến nhà ông Nhịa	2013	B	3	2,5	1					1,00	
160	Tuyến đường nội bản Mên 01	Từ đường QL 279D	Nhà ông Tọ	2013	B	3	3	0,06			0,06		-	
161	Tuyến đường nội bản Mên 02	Từ đường QL 279D	Ngã ba nhà Tiên	2013	B	3	3	0,13			0,13		-	
162	Tuyến đường nội bản Mên 03	Từ đường QL 279D	đến nhà ông Sam	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
163	Tuyến đường nội bản Mên 04	Từ đường QL 279D	Nhà ông Pùa	2013	B	3	2,5	0,06					0,06	
164	Tuyến đường nội bản Mên 05	Từ đường QL 279D	Nhà ông Hoan	2013	B	3	2,5	0,10			0,10		-	
165	Tuyến đường nội bản Mên 06	Từ đường QL 279D	Đến nhà ông Khoán	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
166	Tuyến đường nội bản Po 01	Từ đường trục chính	nhà ông Cương	2013	B	3	2,5	0,04			0,04		-	
167	Tuyến đường nội bản Po 02	Từ đường trục chính	nhà ông Kim	2013	B	3	2,5	0,08			0,08		-	
168	Tuyến đường nội bản Po 03	Từ nhà văn hóa	mường Nà Sản	2013	B	3	2,5	0,12			0,12		-	
169	Tuyến đường nội bản Po 04	Từ nhà ông Bằng	nhà ông San	2013	B	3	2,5	0,08			0,08		-	
170	Tuyến đường nội bản Po 05	Từ đường trục chính	nhà ông An	2013	B	3	3	0,05			0,05		-	
171	Tuyến đường nội bản Po 06	Từ đường trục chính	nhà ông La	2013	B	3	3	0,03			0,03		-	
172	Tuyến đường nội bản Po 07	Từ nhà ông Doan	Đến nhà đồng ruộng	2013	B	3	2,5	0,10			0,10		-	
173	Tuyến đường nội bản Po 08	Từ đường trục chính	Đến nhà ông Sơn	2013	B	3	2,5	0,10			0,10		-	
174	Tuyến đường nội bản Po 09	Từ đường trục chính	Đến nhà Huổi Cút	2013	B	3	2,5	0,08			0,08		-	
175	Tuyến đường nội bản Po 10	Từ nhà ông Dương	Đến nhà ông Nơi	2013	B	3	2,5	0,18			0,18		-	
176	Tuyến đường nội bản Po 11	Từ nhà ông Đại	Đến nhà ông Hiêng	2013	B	3	2,5	0,14					0,14	
177	Tuyến đường nội bản Po 12	Từ đường trục chính	Đến nhà ông Xiển	2013	B	3	2,5	0,12					0,12	
178	Tuyến đường nội bản Po 13	Từ đường trục chính	Đến nhà ông Len	2013	B	3	2,5	0,10					0,10	
179	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 01	Từ Quốc lộ 279D	Đến bên đò	2013	B	3	3	0,07			0,07		-	
180	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 02	Từ Quốc lộ 279D	nhà ông Linh	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
181	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 03	nhà ông Linh	nhà ông Thanh	2013	B	3	2,5	0,03			0,03		-	
182	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 04	Từ nhà ông Xuân	nhà ông Chiến	2013	B	3	2,5	0,08			0,08		-	
183	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 05	Từ Quốc lộ 279D	Nhà VH bản	2013	B	3	2,5	0,10					0,10	
184	Tuyến đường nội bản Phiêng Lờ 06	Từ Quốc lộ 279D	Nhà Hữu Nghị	2013	B	3	2,5	0,10					0,10	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
185	Tuyến đường nội bản Phiêng Lòi 07	Từ Quốc lộ 279D	Nhà ông Bộng	2013	B	3	2,5	0,40					0,40	
186	Tuyến đường nội bản Đông khít 01	Từ nhà ông Ngoan	Đến nhà ông Loan	2013	B	3	2,5	0,20					0,20	
187	Tuyến đường nội bản Đông khít 02	Từ nhà ông Qui	Đến nhà ông Việt	2013	B	3	2,5	0,20					0,20	
188	Tuyến đường nội bản Đông khít 03	Từ nhà ông Chuyên Hoai	Đến nhà ông Hoa	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
189	Tuyến đường nội bản Đông khít 04	Từ nhà ông Thanh	Đến nhà ông Thoan	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
190	Tuyến đường nội bản Lè 01	Từ nhà ông Hoàng	khe suối giữa bản	2013	B	3	2,5	0,03			0,03		-	
191	Tuyến đường nội bản Lè 02	Từ nhà ông Hoàng	đến nhà ông Toan	2013	B	3	2,5	0,09			0,09		-	
192	Tuyến đường nội bản Lè 03	Từ đường đi Lọng Bon	đến nhà ông La	2013	B	3	2,5	0,24			0,24		-	
193	Tuyến đường nội bản Lè 04	Từ đường đi Lọng Bon	nhà ông Hương	2013	B	3	3	0,21			0,21		-	
194	Tuyến đường nội bản Lè 05	Từ nhà ông Biên	nhà ông Cơm	2013	B	3	3	0,50			0,50		-	
195	Tuyến đường nội bản Lè 06	Từ đường đi Lọng Bon	nhà ông Mỏn	2013	B	3	3	0,16			0,16		-	
196	Tuyến đường nội bản Lè 07	Từ đường đi Lọng Bon	nhà ông Đức	2013	B	3	3	0,22			0,22		-	
197	Tuyến đường nội bản Lè 08	Từ đường đi Lọng Bon	Dốc Pu Ngân	2013	B	3	2,5	0,15			0,15		-	
198	Tuyến đường nội bản Lè 09	Từ nhà ông Pùn	Đến nhà ông Biên	2013	B	3	2,5	0,10					0,10	
199	Tuyến đường nội bản Lè 10	Từ nhà ông Bó	Đến nhà ông Le	2013	B	3	2,5	0,12					0,12	
200	Tuyến đường nội bản Lè 11	Từ đường đi Lọng Bong	Đến nhà ông Hao	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
201	Tuyến đường nội bản Lè 12	Từ nhà văn hoá	Đến nhà ông Duẩn	2013	B	3	2,5	0,25					0,25	
202	Tuyến đường nội bản Ổ 01	Từ đường nhựa	Từ nhà ông Sơn	2013	B	3	3	0,26			0,26		-	
203	Tuyến đường nội bản Ổ 02	Từ đường nhựa	trạm y tế xã cũ	2013	B	3	3	0,12			0,12		-	
204	Tuyến đường nội bản Ổ 03	Từ nhà ông Thế	Đến nhà ông Cu	2013	B	3	3	0,03			0,03		-	
205	Tuyến đường nội bản Ổ 04	Từ nhà ông Tường	Đến nhà ông Tiếc	2013	B	3	3	0,10					0,10	
206	Tuyến đường nội bản Ổ 05	Từ nhà ông Quân	Đến nhà ông Sịch	2013	B	3	3	0,17			0,17		-	
207	Tuyến đường nội bản Ổ 06	Từ nhà ông Ảnh	Đến nhà ông Vần	2013	B	3	3	0,21			0,21		-	
208	Tuyến đường nội bản Thăm cọng 01	Từ nhà ông Súa	Đến nhà ông Trọ	2013	B	3	2,5	0,06			0,06		-	
209	Tuyến đường nội bản Thăm cọng 02	Từ nhà ông Trọ	Đến nhà ông Chổng B	2013	B	3	2,5	0,80			0,10		0,70	
210	Tuyến đường nội bản Thăm cọng 03	Từ nhà ông Trọ	Đến nhà ông Dia	2013	B	3	2,5	0,60					0,60	
211	Tuyến đường nội bản Thăm cọng 04	Từ nhà ông Nênh	Đến nhà ông Thái A	2013	B	3	2,5	0,30					0,30	
212	Tuyến đường nội bản Pá Han 01	Từ khe giữa bản	Điểm trường	2013	B	3	3	0,21			0,21		-	
213	Tuyến đường nội bản Pá Han 02	Từ khe giữa bản	Đến nhà ông Pành	2013	B	3	3	0,40			0,42		- 0,02	
214	Tuyến đường nội bản Pá Han 03	Từ khe suối giữa bản	Từ nhà ông Hau	2013	B	3	3	0,20					0,20	
215	Tuyến đường nội bản Pá Han 04	Từ nhà ông Dạ	Đến Huồi Há Lệ Lo	2013	B	3	3	0,80					0,80	
216	Tuyến đường nội bản Pá Han 05	Từ điểm trường	Đến sân bóng đá	2013	B	3	3	0,60					0,60	
217	Tuyến đường nội bản Pá Han 06	Từ ngã giữa bản	Nhà văn hóa bản	2013	B	3	3	1,00					1,00	
218	Tuyến đường nội bản Pá Han 07	Từ ngã giữa bản	Đến nhà ông Dênh	2013	B	3	3	0,20					0,20	

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
219	Tuyến đường nội bản Pá Han 08	Từ nhà Văn Hóa	Đến nhà ông Chủ	2013	B	3	3	0,15					0,15	
220	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 01	Từ nhà ông Phong	Đến nhà ông Lánh	2013	B	3	2,5	0,10			0,10		-	
221	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 02	Từ nhà ông Duân	Đến nhà ông Kiên	2013	B	3	2,5	0,09			0,09		-	
222	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 03	Từ nhà ông Sơn	Đến nhà ông Đoàn	2013	B	3	2,5	0,12			0,12		-	
223	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 04	Từ nhà ông Phóng	Đến nhà ông Quyết	2013	B	3	2,5	0,15			0,15		-	
224	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 05	Từ nhà ông Bang	Đến nhà ông Sơn	2013	B	3	2,5	0,18			0,18		-	
225	Tuyến đường nội bản Lọng Bong 06	Từ nhà ông Lánh	Đến nhà ông Chung	2013	B	3	2,5	0,20					0,20	
226	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 01	Từ trục chính	Nhà ông Vạn	2013	B	2	1,5	0,1					0,10	
227	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 02	Từ trục chính	Nhà ông Chai	2013	B	1,5	1	0,1					0,10	
228	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 03	Từ trục chính	Nhà ông Bạ	2013	B	1	1	0,1					0,10	
229	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 04	Từ trục chính	Nhà ông Páo	2013	B	3	2,5	0,3					0,30	
230	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 05	Từ trục chính	Nhà ông Sầu	2013	B	3	2,5	0,05					0,05	
231	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 06	Từ trục chính	Nhà ông Súa ©	2013	B	3	2,5	0,1					0,10	
232	Đường ngõ, xóm bản Nậm Cùm 07	Từ trục chính	Nhà ông Di	2013	B	1	1	0,1					0,10	
233	Đường ngõ, xóm bản Púng Ngùa 01	Từ trục chính	Nhà Văn hóa	2013	B	2	1,5	0,15					0,15	
234	Đường ngõ, xóm bản Púng Ngùa 02	Từ trục chính	Nhà ông Tông	2013	B	2	1,5	0,13					0,13	
235	Đường ngõ, xóm bản Púng Ngùa 03	Từ trục chính	Nhà lớp học	2013	B	3	2,5	0,1					0,10	
236	Đường ngõ, xóm bản Huổi Ngàn 01	Từ trục chính	Nhà ông Phương	2013	B	2	1,5	0,15					0,15	
237	Đường ngõ, xóm bản Huổi Ngàn 02	Từ trục chính	Nhà ông Ấn	2013	B	1	1	0,1					0,10	
238	Đường ngõ, xóm bản Huổi Ngàn 03	Từ trục chính	Nhà ông Lớn	2013	B	1	1	0,05					0,05	
239	Đường ngõ, xóm bản Huổi Ngàn 04	Từ trục chính	Nhà lớp học	2013	B	2,5	2	0,02					0,02	
240	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chèo 01	Từ trục chính	Nhà ông Sọ	2013	B	2	1,5	0,1					0,10	
241	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chèo 02	Từ trục chính	Nhà ông Lậu	2013	B	1,5	1	0,015					0,02	
242	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chèo 03	Từ trục chính	Nhà ông Tông	2013	B	1,5	1	0,1					0,10	
243	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chèo 04	Từ trục chính	Nhà ông Sênh	2013	B	3	2,5	0,1					0,10	
244	Đường ngõ, xóm bản Huổi Pươi 01	Nhà văn hóa	Nhà ông Tỷ	2013	B	2,5	2	0,4					0,40	
245	Đường ngõ, xóm bản Huổi Pươi 02	Từ trục chính	Nhà ông Lâu	2013	B	1,5	1	0,05					0,05	
246	Đường ngõ, xóm bản Huổi Pươi 03	Từ trục chính	Nhà ông Vự	2013	B	1,5	1	0,02					0,02	
247	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 01	Từ trục chính	Nhà ông Sộng	2013	B	2,5	2	0,3					0,30	
248	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 02	Từ nhà lớp học	Nhà ông Chả	2013	B	2	1,5	0,3					0,30	
249	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 03	Từ nhà lớp học	Nhà ông Dưa	2013	B	2	1,6	0,1					0,10	
250	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 04	Từ nhà lớp học	Nhà ông Da	2013	B	1,5	1	0,1					0,10	
251	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 05	Từ nhà lớp học	Nhà ông Đồng	2013	B	2,5	2	0,3					0,30	
252	Đường ngõ, xóm bản Huổi Săn 06	Từ nhà lớp học	Nhà ông Cù	2013	B	2	1,5	0,05					0,05	
253	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 01	Từ đường chính	Nhà Bà Mai	2013	B	3	2,5	0,25			0,25			
254	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 02	Từ đường chính	Nhà ông Thắng (a)	2013	B	2,5	2	0,05			0,05			
255	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 03	Từ đường chính	Nhà ông Hoàng	2013	B	2,	2	0,05			0,05			

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phôi	Đất	
256	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 04	Từ đường chính	Nhà ông Biển	2013	B	2,5	2	0,04			0,04			
257	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 05	Từ đường chính	Nhà ông Nò	2013	B	2,5	2	0,1			0,10			
258	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 06	Từ đường chính	Nhà ông Phen	2013	B	2,5	2	0,1			0,10			
259	Đường ngõ, xóm bản Pá Hợp 07	Ngã tư	Nhà ông Lánh	2013	B	2,5	2	0,05			0,05			
260	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 01	Từ đường chính	Nhà ông Hội	2013	B	1,5	1	0,065			0,07			
261	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 02	Từ đường chính	Nhà ông Anh	2013	B	2,5	2	0,023			0,02			
262	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 03	Nhà ông Biên	Nhà ông Hặc	2013	B	3	2,5	0,1			0,10			
263	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 04	Từ đường nhựa	Nhà ông Hạnh	2013	B	3	2,5	0,05			0,05			
264	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 05	Từ đường nhựa	Nhà lớp học	2013	B	3	2,5	0,2			0,20			
265	Đường ngõ, xóm bản Huổi Tao 06	Từ nhà ông Hạnh	Nhà ông Bun	2013	B	2	1,5	0,05					0,05	
266	Đường ngõ, xóm bản Pá Mông 01	Từ đường nhựa	Nhà ông Thanh	2013	B	2	1,5	0,4					0,40	
267	Đường ngõ, xóm bản Pá Mông 02	Từ đường nhựa	Nhà ông Sùm	2013	B	3	2	0,1					0,10	
268	Đường ngõ, xóm bản Pá Mông 03	Từ đường nhựa	Nhà ông Tâm	2013	B	2	1,5	0,15					0,15	
269	Đường ngõ, xóm bản Pá Mông 04	Nhà ông Tâm	Nhà ông Tiến (Cạnh)	2013	B	1,5	1	0,03					0,03	
270	Đường ngõ, xóm bản Pá Pù 01	Nhà ông Muôn	Nhà ông Inh	2013	B	1,5	1	0,1					0,10	
271	Đường ngõ, xóm bản Pá Pù 02	Từ đường nhựa	Nhà ông Muôn (Lợi)	2013	B	2	1,5	0,1					0,10	
272	Đường ngõ, xóm bản Pá Pù 03	Từ đường nhựa	Nhà ông Xiên	2013	B	2,5	2	0,03					0,03	
273	Đường ngõ, xóm bản Pá Pù 04	Từ đường nhựa	Nhà ông Hoan	2013	B	1,5	1	0,05					0,05	
274	Đường ngõ, xóm bản Pá Pù 05	Từ đường nhựa	Nhà văn hóa	2013	B	2	1,5	0,03					0,03	
275	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chà 01	Từ đường nhựa	Nhà ông Khở	2013	B	2	1,5	0,04					0,04	
276	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chà 02	Từ đường nhựa	Nhà ông Ghâu	2013	B	1,5	1	0,06					0,06	
277	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chà 03	Từ đường nhựa	Nhà ông Hua	2013	B	2	1,5	0,1					0,10	
278	Đường ngõ, xóm bản Huổi Chà 04	Từ đường nhựa	Nhà ông Thái	2013	B	2	1,5	0,05					0,05	
279	Đường ngõ, xóm bản Co Đứa 01	Từ đường nhựa	Nhà ông Ành	2013	B	3	2,5	0,15					0,15	
280	Đường ngõ, xóm bản Co Đứa 02	Từ đường nhựa	Nhà Bà Yên	2013	B	1,5	1	0,1					0,10	
281	Đường ngõ, xóm bản Co Đứa 03	Từ đường nhựa	Nhà Lia	2013	B	1,5	1	0,05					0,05	
282	Đường ngõ, xóm bản Huổi Lẹ 01	Từ đường nhựa	Nhà ông Thanh	2013	B	3	2,5	0,03			0,03			
283	Đường ngõ, xóm bản Huổi Lẹ	Nhà ông Hao	Nhà lớp học	2013	B	3	2,5	0,05			0,05			
284	Đường ngõ, xóm bản Huổi Lẹ	Từ đường nhựa	Nhà ông Sương	2013	B	3	2,5	0,05		0,05				
285	Đường ngõ, xóm bản Đen Đin	Nhà lớp học	Nhà ông Lia	2013	B	3	2,5	0,8					0,80	
286	Đường ngõ, xóm bản Đen Đin	Nhà ông Páo	Nhà ông Nênh	2013	B	3	2,5	0,1					0,10	
287	Đường ngõ, xóm bản Đen Đin	Nhà ông Ghâu	Nhà ông Chênh	2013	B	2	1,5	0,1					0,10	
288	Đường ngõ, xóm bản Đen Đin	Nhà ông Dia (a)	Nhà ông Chèo	2013	B	1,5	1	0,15					0,15	
289	Đường ngõ, xóm bản Huổi Hóc	Nhà ông Tông	Nhà lớp học cũ	2013	B	2	1,5	0,2					0,20	
290	Đường ngõ, xóm bản Huổi Hóc	Từ đường chính	Nhà ông Dia (b)	2013	B	1,5	1	0,05					0,05	

PHỤ LỤC SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ XÃ MƯỜNG BÚ

(Kèm theo Tờ trình số: 428 /TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
	Hệ thống đường Xã							152,7	10,0	44,9	27,2	0,0	70,6	
1	Tuyến đường Tạ Bú - Mường Chùm	Bản Mòn, xã Tạ Bú cũ	Bản Chang, xã Mường Chùm cũ	2013	A	5	3,5	26	6	11	5		4	Đường liên xã
2	Đường tỉnh 110 (Bản Mường Kham, Mường Chùm cũ) - Bản Nong Sơn, xã Chiềng Sung	Mường Kham (Mường Chùm)	Bản Nong Sơn (xã Chiềng Sung)	2013	A	5	3,5	8,2		8,2				Đường liên xã
3	Tạ Bú - Liệp Tè	Tạ Bú (Đường N1, Thủy điện Sơn La)	Giáp ranh Xã Mường Khiêng	2013	A	5	3,5	4	4					Đường liên xã
4	Bản Giàn - Pá Po - Pá Cốp - Nong Chạy (Xã Mường Bú)	279D	Bản Nong Chạy, xã Mường Bú	2013	B	5	3,5	11,9			2		9,9	
5	QL 279D - Bản Bùng	279D	Bản Bùng	2013	B	5	3,5	5		5				
6	Bản Pá Tong - Bản Thắm Súng	Pá Toong	Thắm Súng	2013	B	5	3,5	2			2			
7	QL 279D - Bản Nà Nong (Mường Bú cũ)	279D	Nà Nong	2013	B	5	3,5	2			1,2		0,8	
8	Nang Phai - Phiêng Búng - Ta Mo - Cầu Tràn	Nang Phai	279D	2013	B	5	3,5	5			3		2	
9	Đường vào Hua Pó	Bản Búng Diễn	Bản Hua Bó	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
10	Đường Nậm ún II - Nậm ún I	Đường Nậm ún II	Nậm ún I	2013	B	5	3,5	1			1			
11	Trục chính đi Huổi Săn - Bản Huổi Hiệu	Trục chính đi Huổi Săn	Bản Huổi Hiệu	2013	B	5	3,5	3		2,5			0,5	
12	Đường Co Trai - Bản Luồng	Đường Co Trai	Bản Luồng	2013	B	5	3,5	2			2			
13	Đường bản Huổi Lừu - Bản Co Tông	Đường bản Huổi Lừu	Bản Co Tông	2018	B	5	3,5	3,5		3,5				
14	Đường bản Kham - Bản Nong Chạy	Đường bản Kham	Bản Nong Chạy	2013	B	5	3,5	4					4	
15	TL110 - Huổi Lừu	TL110	Huổi Lừu	2008	B	5	3,5	4,7		4,7				
16	Đường bản Chang - Bản Tà Lừ	Đường bản Chang	Bản Tà Lừ	2013	B	5	3,5	3			3			
17	TL110 - Huổi Săn	Đường huyện	Huổi Săn	2008	B	5	3,5	4		4				
18	Đường 279D (bản Két) - Pá Toong (xã Tạ Bú)	QL 279D	Pá Toong	2013	B	5	3,5	6,4					6,4	
19	Đường bản Bắc - Bản Buôi	Bản Bắc	Bản Buôi	2013	B	5	3,5	5					5	
20	Đường Bản Buôi - Bản Chom Cọ	Bản Buôi	Chom Cọ	2013	B	5	3,5	7					7	
21	Bản Pá Chiến - Bản Pét - Bản Tôm- Bản Mường Pía (xã Chiềng Hoa)	Bản Pá Chiến	Bản Mường Pía	2013	B	5	3,5	15					15	
22	Đường tỉnh lộ 110 - Bản Nong Ế, xã Chiềng Hoa	Đường TL110	Bản Nong Ế, xã Chiềng Hoa	2008	B	5	3,5	6			1		5	
23	QL 279D - Bản Nà Xi	QL 279D	Bản Nà Xi	2013	B	5	3,5	8		6	2			
24	QL 279D -Bản Mòn -Bản Buôi	QL 279D	Bản Buôi	2024	B	5	3,5	7			1		6	
25	Đường Thủy điện - Bản Thắm Hon - Pá Tong	Đường Thủy điện	Bản Pá Tong	2024	B	5	3,5	4			1		3	
26	Bản Pá Nặm- Bản Kiếng, xã Chiềng Sung	Bản Pá Nặm	Bản Kiếng, xã Chiềng Sung	2013	A	5	3,5	3,5			1,5		2	

PHỤ LỤC SỐ 04: ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ XÃ CHIỀNG HOA

(Kèm theo Tờ trình số: 428 /TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng)

TT	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
I	Đường xã							149,6	0	21	18,5	0	110,1	
1	Chiềng Hoa - Chiềng Ân	Bản Chông	Trung tâm xã Chiềng Ân (xã cũ)	2013	A	5	3,5	12		12				Đường liên xã
2	Chiềng Hoa - Chiềng Công	Bản Nong Quang	Trung tâm xã Chiềng Công	2013	A	5	3,5	9		9				Đường liên xã
3	Chiềng San - Chiềng Hoa	Bản Keo Ốt	Trung tâm xã Chiềng Hoa	2013	A	5	3,5	9			7		2	Đường liên xã
4	Bản Hát Hay - Phương Yên	Bản Hát Hay	Bản Phương Yên	2013	A	5	3,5	10			5,5		4,5	Đường liên xã
5	Keo Ốt - Bản Lọng Sắn	Bản Keo Ốt	Bản Lọng Sắn	2013	B	5	3,5	2					2	
6	Đường bản Pha Xe - Pá Liềng	Bản Pha Xe	Bản Pá Liềng	2013	B	5	3,5	3			1,5		1,5	
7	Đường bản Pha Xe - Pháy Hượn	Bản Pha Xe	Pháy Hượn	2013	B	5	3,5	7					7	
8	Vào Nà Lửa	TL 111	Nà Lửa	2013	B	5	3,5	1					1	
9	Đường bản Tà Lành - Bản Huổi Má	Bản Tà Lành	Bản Huổi Má	2013	B	5	3,5	4,3					4,3	
10	Đường bản Tà Lành - Bản Huổi Pù	Bản Tà Lành	Bản Huổi Pù	2013	B	5	3,5	1,5			1,5			
11	Đường Nậm ún I - Nặng Ế	Bản Nậm Ún 1	Bản Nặng Ế	2013	B	5	3,5	3					3	
12	Đường Huổi Má - Bản Hin (Mường Chùm)	Bản Huổi Má	Bản Hin	2013	B	5	3,5	3					3	
13	Đường Mường Pía - Bản Pa Pía	Bản Mường Pía	Đầu nối ĐT.111	2013	B	5	3,5	1					1	
14	Đường bản Mạo - bản Nong Hùn	Bản Mạo	Bản Nong Hùn	2013	B	5	3,5	3,5					3,5	
15	Đường Bản Đin Lanh - Kéo Hòm - Pá Chè - Lọng Bó	Bản Đin Lanh	Bản Lọng Bó	2013	B	5	3,5	13,9					13,9	
16	Đường bản Đin Lanh - Bản Co sủ dưới	Bản Đin Lanh	Bản Co Sủ Dưới	2013	B	5	3,5	2					2	
17	Đin Lanh - Chông Du Tầu - Tảo Ván - Bản Bản Mới	Bản Đin Lanh	Bản Mới	2013	B	5	3,5	8,8					8,8	
18	Bản Mới - Tốc Tác trên - Tốc Tác Dưới - Khâu Lao Dưới - Khâu Lao trên - Hán Cá Thệnh	Bản Mới	Bản Hán Cá Thịnh	2013	B	5	3,5	21					21	
19	Đường bản Lạng Xưa - Bản Hán Trạng	Bản Lạng Xưa	Bản Hán Trạng	2013	B	5	3,5	5,4			3		2,4	
20	Đường bản Hán Trạng - Bản Xạ Xúng	Bản Hán Trạng	Bản Xạ Xúng	2013	B	5	3,5	10,6					10,6	
21	Đường Xạ Xúng - Tả Pù Chủ	Bản Xạ Xúng	Bản Tả Pù Chủ	2013	B	5	3,5	13,6					13,6	
22	Đường đi Pá Xá Hồng	TT xã	Bản Pá Xá Hồng	2013	B	5	3,5	5					5	
II	Đường thôn, bản							247,94	0	0	25,84	0	222,1	

TT	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
1	Pá Xá Hồng	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	4			1		3	
2	Nong Hoi Dưới	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	4,5			1,2		3,3	
3	Lạng Xua	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	5			2		3	
4	Hán Trạng	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	5,5			2		3,5	
5	Sạ Súng	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	18,5			0,5		18	
6	Tà Pù Chừ	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	16			0		16	
7	Năm Hồng	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	10			0		10	
8	Tảo Ván Mới	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	11			3,5		7,5	
9	Đin Lanh	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	4,5			1,6		2,9	
10	Bản Mạo	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	2			0,35		1,65	
11	Co Sù Trên	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	5			0,36		4,64	
12	Chông Du Tầu	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	5			0,6		4,4	
13	Kéo Hòm	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	6			0,32		5,68	
14	Hán Cá Thệnh	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	30			2		28	
15	Co Sù Dưới	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	3			0		3	
16	Khao Lao Trên	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	15			0		15	
17	Nong Hùn	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	8,5			1,5		7	
18	Lọng Bó	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	20			0,5		19,5	
19	Tốc Tát Trên	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	15			0,3		14,7	
20	Tốc Tát Dưới	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	6			1,5		4,5	
21	Bản Pá Chè	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	13			0		13	
22	Bản Áng Nghịu	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	1,7			0,45		1,25	
23	Bản Chông	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	3,37			0,6		2,77	
24	Bản Hát Hay	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	1,4			0,1		1,3	
25	Bản Hin Phá	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	0,3			0		0,3	
26	Bản Huổi Má	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	1,2			0		1,2	
27	Bản Lọng Săn	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	5			0,36		4,64	
28	Bản Lửa Xe	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	4,8			1		3,8	
29	Bản Mường Pia	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	6,6			2,1		4,5	
30	Bản Nong Ế	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	2,1			0		2,1	
31	Bản Nong Xua	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	3,8			1		2,8	
32	Bản Pá Liềng	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	1			0		1	
33	Bản Pháy Hượn	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	2,85			0		2,85	
34	Bản Phương Yên	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	2,72			0		2,72	
35	Bản Tà	Đầu bản	Khu sản xuất	2013	C	4	2,5	3,6			1		2,6	

PHỤ LỤC SỐ 05: ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ XÃ NGỌC CHIẾN

(Kèm theo Tờ trình số: 428 /TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô, cấp hạng			Chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường (km)					Ghi chú
					Cấp đường	Bn (m)	Bm (m)		BTN	Láng nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất	
	Tổng Đường xã							25,20	-	-	25,20	-	-	
1	TL 109 - Bản Chom Khâu	TL 109	Bản Chom Khâu	2013	B	5	3,5	2			2			
2	TL 109 - Bản Phày - Chằm Pộng - Ngâm La - Nậm Nghiệp	TL 109	Bản Nậm Nghiệp	2013	B	5	3,5	11			11			
3	TL 109 -Phiêng Cứu -Lọng Cang	TL 109	Lọng Cang	2013	B	5	3,5	5			5			
4	Đường bản Mường Chiến - Bản Giàng Phổng	Bản Mường Chiến	Giàng Phổng	2013	B	5	3,5	4			4			
5	Vào Pú Dành	TL 109	Pú Dành	2013	A	5	3,5	1,5			1,5			
6	TL109-Nà Tàu-Mường Chiến	TL 109	Mường Chiến	2013	B	5	3,5	1,7			1,7			